

**OÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2021
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Việt

Ông Phùng Quốc Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 ngày 10 ngày 2021 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị N. Sinh năm 2001. Địa chỉ: Bản B, xã T, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn Q, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản B, xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày như sau:

Chị và anh Lò Văn Q kết hôn với nhau từ năm 2020 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 14/02/2020. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống gia đình không hòa thuận. Hiện nay anh chị đang sống ly thân. Sau thời gian ly thân, chị đã nhìn nhận lại cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng và cảm thấy việc sống

chung sẽ không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Q.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Lò Văn Q về địa chỉ bản B, xã S, huyện Mai Sơn (nơi anh Q cư trú). Tuy nhiên, anh Q không có mặt tại Tòa án làm việc và không gửi văn bản thể hiện ý kiến về việc chị Lò Thị N xin ly hôn với anh. Tòa án đã tiến hành xác minh, xác định anh Lò Văn Q đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của chị Nguyễn và anh Q. Đồng thời, đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi thẩm phán thông qua nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn Q. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lò Văn Q có địa chỉ tại: Bản B, xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm về việc khởi kiện cho Tòa án có căn cứ xem xét giải quyết vụ án. Trong khi, qua xác minh thể hiện nguyên đơn đã biết được nội dung chị Nguyễn xin ly hôn tại Tòa án, thời gian và địa điểm Tòa án triệu tập làm việc. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, khoản 1 Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lò Thị N và anh Lò Văn Q.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2020, anh chị đã được UBND xã T, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2020. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Nguyễn, mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về tích cách và quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ tháng 04/2021 đến nay. Hiện tại, chị xác định không thể duy trì cuộc sống hôn nhân với anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn và anh Q xác định anh chị không có hộ khẩu chung sau khi kết hôn. Hai vợ chồng ở nhà bố mẹ vợ ở T một thời gian ngắn, thỉnh thoảng về nhà anh Q tại Bản B, xã S sinh sống, còn chủ yếu anh chị thuê trọ để sinh sống. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện ban quản lý bản B, xã S, đại diện gia đình anh Q và gia đình chị Nguyễn xác định: Chị Nguyễn và anh Q kết hôn năm 2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh Q chơi bời cờ bạc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị N, xử cho chị Nguyễn được ly hôn với anh Lò Văn Q.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định anh chị chưa có con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng trong thời gian hôn nhân. Qua xác minh cũng xác định nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn Q.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001215 ngày 06 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Minh Quân